

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2007 – COMECO

MỤC LỤC

| NỘI DUNG | TRANG |
|---|-------|
| Phát biểu của Chủ tịch HĐQT- TGD Công ty. | |
| Thông tin chính : Các thông tin, triết lý kinh doanh, mục tiêu tổng quát , định hướng chiến lược | |
| Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát. | |
| Tổng quan về COMECO. | |
| <ul style="list-style-type: none">• Thời điểm chuyển sang Công ty cổ phần.• Hoạt động kinh doanh chính.• Cơ cấu tổ chức và lao động.• Quá trình tăng vốn.• Cơ cấu cổ đông, Cổ đông chiến lược.• Cơ sở vật chất kỹ thuật• Hệ thống quản lý chất lượng.• Thành tích đạt được.• Danh sách các Chi nhánh CHXD COMECO. | |
| Các dự án đầu tư . | |
| <ul style="list-style-type: none">• Dự án Tổng kho xăng dầu COMECO .• Dự án Cao ốc Văn phòng – Thương mại COMECO . | |
| Thống kê, phân tích Tài chính | |
| <ul style="list-style-type: none">• Thống kê tài chính.• Các chỉ tiêu tài chính cơ bản. | |
| Phân tích các hoạt động kinh doanh năm 2007. | |
| Những sự kiện tiêu biểu 2007. | |
| Mục tiêu, kế hoạch 2008. | |
| Trách nhiệm đối với cộng đồng : đối với khách hàng, đối với cổ đông và Nhà đầu tư, đối với đối tác, đối với CNV, đối với cộng đồng. | |
| Báo cáo của Ban Kiểm soát. | |
| Báo cáo tài chính năm 2007 (đã được kiểm toán). | |
| | |

PHÁT BIỂU CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2007, COMECO bước lên bục vinh quang nhận Giải Vàng Chất lượng Việt Nam. Đó là giải thưởng quốc gia duy nhất về chất lượng được Bộ Khoa học và Công nghệ xét tặng cho Doanh nghiệp dịch vụ lớn duy nhất và xuất sắc nhất trong số hàng trăm doanh nghiệp đạt Giải thưởng Chất lượng Việt Nam. COMECO là một trong 5 Doanh nghiệp của TP. HCM được tặng giải Vàng Chất lượng Việt Nam trong suốt 12 năm tồn tại của giải, và là đơn vị thuần túy Việt Nam đầu tiên tại TP. HCM được tặng giải Vàng Chất lượng Việt Nam. Đây là mốc son chói lọi trong chặng đường hơn 32 năm hoạt động (1975 – 2007) và 7 năm sau cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước (2001 – 2007) với mức tăng trưởng bình quân 24 %/năm và với mạng lưới hệ thống bán lẻ xăng dầu từ 17 cửa hàng xăng dầu tăng lên 30 cửa hàng trên khắp địa bàn TP. HCM và các tỉnh lân cận.

Để có được thành tựu to lớn và tạo được một vị thế vững chắc trong hoạt động kinh doanh bán lẻ xăng dầu trong cơ chế thị trường thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế, COMECO đã hội tụ các điều kiện cần và đủ nhằm hướng đến sự phát triển ổn định, bền vững. Điều kiện cần là con người, nguồn vốn và thông tin. Điều kiện đủ là chiến lược đúng đắn, hệ thống quản lý hiệu quả và văn hóa doanh nghiệp.

Về con người, COMECO coi quản trị nguồn nhân lực là tài sản quý báu nhất trong chiến lược phát triển bền vững của mình. Chương trình tuyển chọn, đào tạo và đào tạo lại giúp Công ty có một đội ngũ lãnh đạo các cấp đầy đủ bản lĩnh và năng lực cùng với đội ngũ công nhân có kinh nghiệm, tận tâm và chuyên nghiệp.

Về vốn, COMECO đã tích lũy được một nguồn vốn nhất định qua các năm cộng với việc phát hành thành công 4,6 triệu cổ phần vào cuối năm 2007, đến nay Công ty đã có khoảng 200 tỷ đồng để đầu tư cho 2 dự án lớn : Dự án Tổng kho xăng dầu 20 ha tại Nhơn Trạch – Đồng Nai, dự án Cao ốc Văn phòng–Thương mại COMECO tại số 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3; đầu tư cho việc phát triển hệ thống cửa hàng bán lẻ xăng dầu với kế hoạch tối thiểu 2 cửa hàng/năm; đồng thời nguồn vốn này cũng để dùng cho tái cấu trúc vốn của Công ty sắp tới.

Về thông tin, COMECO đã đưa công nghệ thông tin vào sử dụng trong quản lý điều hành và thu thập xử lý thông tin bên ngoài phục vụ cho công tác dự báo, giảm thiểu tối đa các rủi ro trong kinh doanh.

Từ các điều kiện cần như trên COMECO đã hoạch định và triển khai các **chiến lược** ngắn, trung, dài hạn trên cơ sở phát huy tối đa nguồn lực nội tại, khai thác hiệu quả tiềm năng và đưa ra các giải pháp phù hợp cho từng giai đoạn. Đồng thời áp dụng tích hợp **hệ thống quản lý** chất lượng ISO 9001:2000, các tiêu chí của Giải thưởng Chất lượng Việt Nam và công cụ nâng cao năng suất 5S,... để cải tiến năng suất, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và tăng khả năng cạnh tranh trên thương trường.

Công ty xác định xây dựng và phát triển thương hiệu COMECO là mục đích tối thượng của quá trình sản xuất kinh doanh góp phần phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng cộng đồng. Vì vậy thương hiệu COMECO được nuôi dưỡng và phát triển trên nền tảng của quá trình hình thành và phát triển của **Văn hóa Doanh nghiệp - Văn hóa COMECO** theo nét đặc thù thể hiện phong cách phục vụ tận tình, cởi mở với nụ cười và lời “*cám ơn*”; đồng thời tôn trọng lẫn nhau trong sự hợp tác, liên doanh, liên kết với các đối tác theo phương châm các bên đều có lợi (Win – Win).

Hội đồng Quản trị COMECO tin tưởng rằng : Con người – Vốn – Thông tin – Chiến lược đúng đắn – Hệ thống quản lý hiệu quả và văn hóa COMECO chính là các yếu tố cốt lõi góp phần đưa thương hiệu COMECO ngày càng bay cao, bay xa trên thương trường trong và ngoài nước.

Cuối cùng, thay mặt cho HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và gần 500 CB-CNV COMECO tôi xin chân thành cảm ơn Quý cổ đông, Quý khách hàng, các đối tác đã đặt niềm tin vào sự hợp tác với COMECO; cảm ơn các cơ quan, tổ chức, cá nhân đã giúp đỡ COMECO trong suốt chặng đường qua. Đồng thời, cho phép tôi thay mặt Ban Lãnh đạo COMECO xin chân thành cảm ơn toàn thể CB-CNV COMECO đã đồng cam cộng khổ vượt qua khó khăn, thách thức trong suốt gần 33 năm qua để đưa COMECO phát triển bền vững như ngày hôm nay.

Kính chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trương Đức Hạnh

THÔNG TIN CHÍNH VỀ COMECO

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ – XĂNG DẦU (COMECO) MATERIALS - PETROLEUM JOINT STOCK COMPANY

- * Địa chỉ : 11 Cao Bá Nhạ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
- * Điện thoại : (84-8) 9200123 - 9200357
- * Fax : (84-8) 9202296
- * Email : comecopetro@hcm.vnn.vn
- * Website : <http://www.comecovn.com>

- * Ngày thành lập : Tháng 9- 1975
- * Thời điểm cổ phần hóa : 13-12-2000.
- * Giấy CNĐKKD : 4103000236 ngày 13-12-2000.
- * Mã Chứng khoán : COM.
- * Ngày niêm yết : 07-8-2006.

*** Triết lý kinh doanh : “COMECO vì khách hàng phục vụ”.**

*** Sứ mệnh :**

- Đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của khách hàng với phương châm : “ COMECO vì khách hàng phục vụ”.
- Thực hiện tốt nhiệm vụ kinh tế lẫn nhiệm vụ chính trị, góp phần bình ổn thị trường xăng dầu, trật tự và an ninh xã hội.

*** Mục tiêu tổng quát :**

- Không ngừng nâng cao hiệu quả kinh tế và xã hội. Phấn đấu đưa COMECO trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu về kinh doanh xăng dầu tại TP. HCM và khu vực Miền Đông Nam Bộ. Thực hiện đa dạng hóa ngành hàng xoay quanh trục chính là kinh doanh xăng dầu. Bảo toàn và phát triển vốn. Đảm bảo lợi ích của Nhà nước, cổ đông và Người lao động. Bảo vệ môi trường sinh thái, sức khỏe cộng đồng. Xây dựng Văn hóa COMECO và phát triển thương hiệu COMECO ngày càng bền vững trên thương trường.

*** Định hướng chiến lược :**

- Đầu tư xây dựng Tổng kho xăng dầu COMECO tại Nhơn Trạch – Đồng Nai.
- Đầu tư vào một số lĩnh vực liên quan đến sản phẩm hóa dầu như : dầu nhờn, hóa chất, gas, nhựa đường,...
- Đầu tư mở rộng mạng lưới bán lẻ xăng dầu.
- Đầu tư vào lĩnh vực tài chính, bất động sản, với việc sử dụng nguồn vốn một cách thận trọng, hiệu quả.
- Tập trung phát triển các nguồn lực, trong đó ưu tiên phát triển nguồn nhân lực.
- Mở rộng hợp tác liên doanh, liên kết với các đối tác trong và ngoài nước.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

* **Hội đồng Quản trị.**

* **Ban Tổng Giám Đốc**

* **Ban Kiểm soát**

* **Bà Trương Đức Hạnh** : Chủ tịch HĐQT – Tổng Giám đốc

- Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Cử nhân kinh tế, Cử nhân chính trị

- Thời gian làm việc tại COMECO : Từ tháng 2/1981 đến nay.

* **Ông Huỳnh Nguyên Triệu** : Ủy viên HĐQT – Phó Tổng Giám đốc

- Cử nhân kinh tế

- Thời gian làm việc tại COMECO : Từ tháng 2/1981 đến nay.

* **Ông Phạm Công Quyền** : Ủy viên HĐQT – Giám đốc Tài chính.

- Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Cử nhân kế toán, Cử nhân ngoại thương.

- Thời gian làm việc tại COMECO : Từ tháng 6/1986 đến nay.

* **Ông Lê Tấn Thương** : Ủy viên HĐQT – Giám đốc Kinh doanh.

- Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Cử nhân ngoại thương, Cử nhân QTKD, Cử nhân ngoại ngữ tiếng Anh.

- Thời gian làm việc tại COMECO : Từ tháng 6/1993 đến nay.

* **Ông Đinh Viết Thắng** : Ủy viên HĐQT – Phó Giám đốc Kinh doanh.

- Cử nhân ngoại thương, Kỹ sư Công nghệ thông tin, Cử nhân ngoại ngữ tiếng Nga

- Thời gian làm việc tại COMECO : Từ tháng 4/1993 đến nay.

* **Bà Trần Thị Hồng Lĩnh** : Phó Tổng Giám đốc.

- Cử nhân Luật, cử nhân cao đẳng QTKD.

- Thời gian làm việc tại COMECO : Từ tháng 3/1978 đến nay.

* **Bà Lê Khắc Hồng Lan** : Trưởng Ban Kiểm soát COMECO.

- Cử nhân tài chính.

- Chuyên viên quản lý tài chính, Chi cục Tài chính Doanh nghiệp, Sở Tài chính TP.HCM

* **Ông Nguyễn Hữu Hoàng** : Ủy viên BKS - Phó Giám đốc Tài chính.

- Cử nhân kế toán kiểm toán.

- Thời gian làm việc tại COMECO : Từ tháng 12/2000 đến nay.

* **Ông Phạm Văn Khoa** : Ủy viên Ban Kiểm soát - Phó Giám đốc Đầu tư.

- Kỹ sư xây dựng.

- Thời gian làm việc tại COMECO : Từ tháng 7/1999 đến nay.

TỔNG QUAN VỀ COMECO

1. Thời điểm cổ phần hóa : Chuyển từ Doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty cổ phần.

- COMECO cổ phần hóa theo quyết định số 94/2000/QĐ-TTg ngày 09-8-2000 của Thủ tướng Chính phủ.

- Giấy CNĐKKD số : 4103000236 ngày 13-12-2000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Tên cũ (DNNN) : Công ty Vật tư Thiết bị Giao thông Vận tải (thuộc Sở GTCC TP. HCM)

Tên mới : Công ty Cổ phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO)

2. Hoạt động kinh doanh chính :

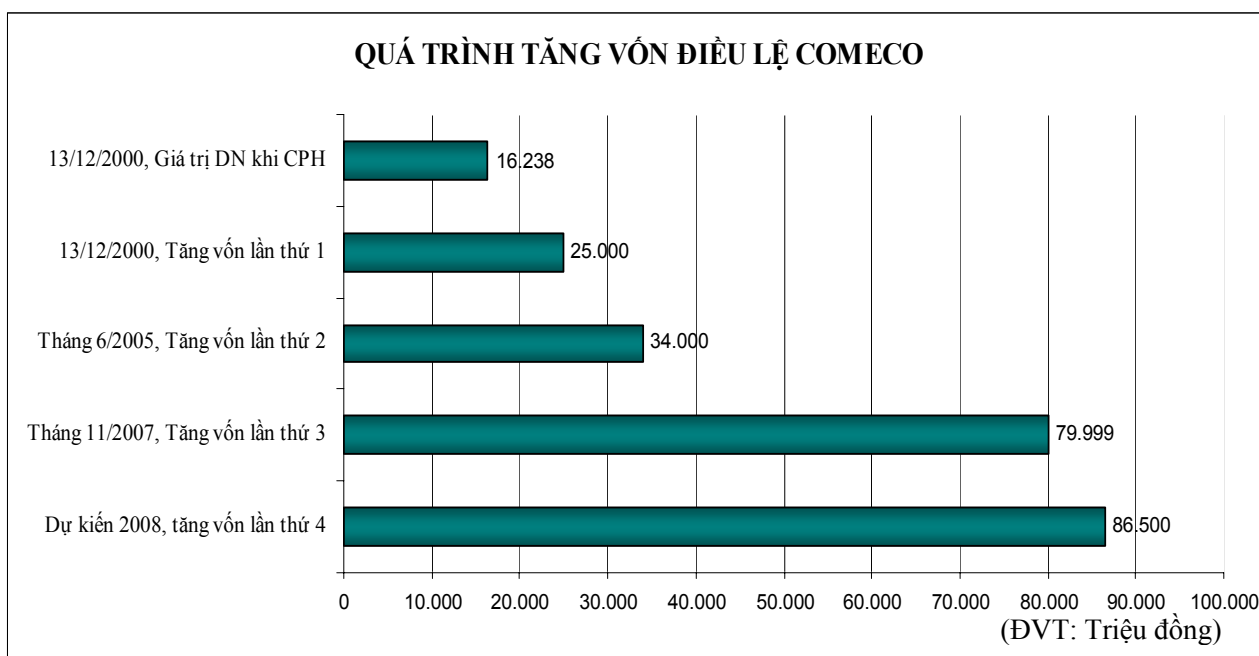
- Kinh doanh : Xăng, dầu, nhớt, dịch vụ rửa xe.
- Thiết bị cho trạm xăng và vật tư, phương tiện giao thông vận tải;
- Xây dựng dân dụng và công nghiệp, đặc biệt là các trạm xăng dầu và kho xưởng;
- Kinh doanh bất động sản, Cho thuê văn phòng, kho bãi;

3. Cơ cấu tổ chức và lao động :

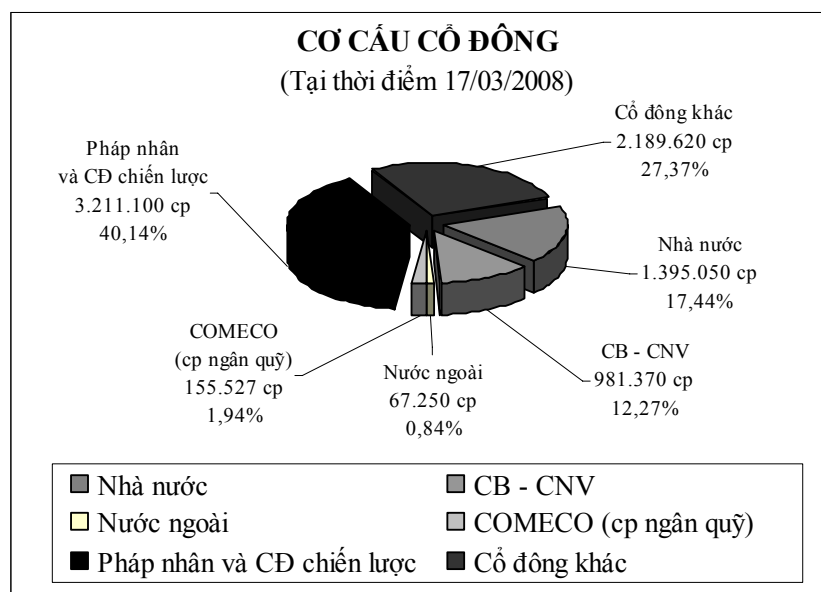
* Cơ cấu tổ chức của COMECO gồm : HĐQT, Ban TGĐ, Ban Kiểm soát, 7 phòng ban chức năng, 30 chi nhánh CHXD và các bộ phận khác trực thuộc (Đội xe bồn, Xưởng Lắp ráp trụ bơm, Xưởng sửa chữa xe, Hệ thống kho bãi, Cửa hàng vật tư,...)

* Lao động : Tổng số lao động 450 người, trong đó có 10% lao động có trình độ cử nhân, kỹ sư trở lên và còn lại đa số là công nhân có kinh nghiệm, lành nghề.

4. Quá trình tăng vốn :



5. Cơ cấu cổ đông :



- Hội đồng Quản trị (5 người) sở hữu : 183.130 cp (2,29%/VĐL).
- Hội đồng Quản trị và người liên quan sở hữu : 631.230 cp (7,89%/VĐL).

BÁO CÁO SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG SỞ HỮU CỔ PHẦN COM (Tại thời điểm 17-3-2008)

| SỐ TT | CƠ CẤU CỔ ĐÔNG | SL CỔ ĐÔNG (đvị/người) | SL CỔ PHẦN (cp) | %/VĐL (%) |
|-----------|---------------------------|------------------------|------------------|----------------|
| I | PHÁP NHÂN : | 21 | 4,761,847 | 59.52% |
| 1 | Trong nước | 20 | 4,761,677 | 59.52% |
| 2 | Nước ngoài | 1 | 170 | 0.00% |
| II | CÁ NHÂN : | 1570 | 3,238,070 | 40.48% |
| 1 | Trong nước | 1467 | 3,170,990 | 39.64% |
| 2 | Nước ngoài | 103 | 67,080 | 0.84% |
| | TỔNG CỘNG (I + II) | 1591 | 7,999,917 | 100.00% |

6. Cổ đông chiến lược :

1. Công ty Thương Mại Kỹ thuật và Đầu tư Petec.
2. Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dầu khí (Petechim).
3. Công ty TNHH Một thành viên Chế biến và KD sản phẩm Dầu mỏ (PDC)
4. Công ty Chứng khoán Sài Gòn (SSI).
5. Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín (SACOMBANK).
6. Tổng Công ty Cơ khí GTVT Sài Gòn (SAMCO)
7. Công ty TNHH Một thành viên Cảng Bến Nghé.

Tổng số cổ phần sở hữu của cổ đông chiến lược là : 2.674.630 cổ phần, chiếm tỷ lệ 33,43%/VĐL.

7. Cơ sở vật chất kỹ thuật.

- 30 chi nhánh CHXD,
- Nhà cửa, kho tàng, hệ thống bồn bể, trụ bơm, máy móc thiết bị.
- 18 xe bồn kamaz vận chuyên nhiên liệu.
- Sở hữu và sử dụng **249.793 m²** đất các loại.

8. Hệ thống quản lý chất lượng :

- Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000 do Tổ chức BVQI Vương quốc Anh đánh giá và chứng nhận từ năm 2004.
- Sử dụng công cụ nâng cao năng suất lao động 5S từ năm 2007.

9. Thành tích Công ty đã đạt được trong những năm qua :

- Năm 1992 : Huân chương lao động hạng ba
- Năm 1997 : Huân chương lao động hạng hai
- Năm 2002 : Huân chương lao động hạng nhất
- Năm 2004 : Cờ thi đua xuất sắc của Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh
- Năm 2005 : Cờ thi đua xuất sắc của Chính phủ
- Năm 2006 : Giải thưởng Chất lượng Việt Nam
- Năm 2007 : Giải thưởng “Thương hiệu vàng” và “Slogan – Logo ấn tượng”
- Năm 2007 : **Giải Vàng Chất lượng Việt Nam do Bộ Khoa học CN tặng**
- Năm 2007 : **Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ**

10. HỆ THỐNG CHI NHÁNH CỬA HÀNG XĂNG DẦU (COMECO)

| CHXD | ĐỊA CHỈ | ĐIỆN THOẠI |
|----------|--|-------------|
| CH số 1 | Góc Lý Thái Tổ - Lê Hồng Phong, Phường 1, Quận 10, TP. HCM | 8 359 704 |
| CH số 2 | 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, TP. HCM | 8 392 836 |
| CH số 3 | 178/9 M Điện Biên Phủ, Phường 21, Quận Bình Thạnh, TP. HCM | 8 994 332 |
| CH số 4 | 46 Lê Quang Sung, Phường 2, Quận 6, TP. HCM | 9 693 884 |
| CH số 6 | 710 Hồng Bàng, Phường 1, Quận 11, TP. HCM | 6 691 767 |
| CH số 7 | 49 Trường Chinh, Phường 12, Quận Tân Bình, TP. HCM | 8 490 097 |
| CH số 8 | 917 đường 3/2, Phường 7, Quận 11, TP. HCM | 8 550 466 |
| CH số 9 | 79 Lý Thường Kiệt, Phường 8, Quận Tân Bình, TP. HCM | 8 645 289 |
| CH số 10 | Góc Trần Hưng Đạo-Ng. Cư Trinh, P. Ng. Cư Trinh, Quận 1, TP. HCM | 8 367 509 |
| CH số 11 | 292 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 26, Quận Bình Thạnh, TP. HCM | 5 114 907 |
| CH số 12 | 572 Kinh Dương Vương, Phường 13, Quận 6, TP. HCM | 8 756 890 |
| CH số 13 | 413/13 Trần Xuân Soạn, Phường Tân Hưng, Quận 7, TP. HCM | 7 711 091 |
| CH số 14 | 450 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc A, Quận Bình Tân, TP. HCM | 8 750 029 |
| CH số 15 | 526 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc A, Quận Bình Tân, TP. HCM | 8 750 038 |
| CH số 16 | 442 Cách Mạng Tháng 8, Phường 11, Quận 3, TP. HCM | 9 316 365 |
| CH số 17 | 70 Bạch Đằng, Phường 24, Quận Bình Thạnh, TP. HCM | 8 990 983 |
| CH số 18 | 42 - 44 Võ Thị Sáu, Phường Tân Định, Quận 1, TP. HCM | 8 291 339 |
| CH số 19 | 16/6 Huỳnh Tấn Phát, Phường Phú Thuận, Quận 7, TP. HCM | 7.731.020 |
| CH số 20 | Khu phố 4, ấp Xuân Trường, Phường Linh Xuân, Q.Thủ Đức, TP.HCM (đối diện KCX Linh Trung) | 7 240 479 |
| CH số 21 | 12A Quang Trung, Phường 11, Quận Gò Vấp, TP. HCM | 9 968 014 |
| CH số 22 | 17/5 Phan Huy Ích, Phường 12, Quận Gò Vấp, TP. HCM | 9 873 006 |
| CH số 23 | 1/1 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Sơn Kỳ, Quận Tân Phú, TP. HCM | 8 474 522 |
| CH số 24 | C2 Khu công nghiệp Đức Hòa I Hạnh Phúc, xã Đức Hòa Đông, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An | 072 779 913 |
| CH số 25 | 26 Hồ Học Lãm, Phường 16, Quận 8, TP. HCM | 7 523 952 |
| CH số 26 | 17/3 Huỳnh Tấn Phát, xã Phú Xuân, Huyện Nhà Bè, TP. HCM | 7 828 493 |
| CH số 27 | 3/40G Dương Công Khi, Nhị Tân 1, Tân Thới Nhì, Hóc Môn, TP. HCM | 7 132 961 |
| CH số 28 | Bà Điểm, Huyện Hóc Môn, TP. HCM | |
| CH số 29 | Hương lộ 80, Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, TP. HCM | |
| CH số 30 | 22, Hương lộ 2, xã Phước Vĩnh An, Huyện Củ Chi, TP. HCM | 7 905 836 |
| CH số 31 | 439 Phan Văn Trị, Phường 5, Quận Gò Vấp, TP. HCM | |
| CH số 32 | 209 Lý Thường Kiệt, Phường 7, Quận 11, TP. HCM | 9 557 925 |

CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Dự án Tổng kho xăng dầu COMECO :

Địa điểm : Xã Phước Khánh và xã Phú Đông, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Diện tích: 200.000 m², Sức chứa giai đoạn 1 : 40.400 m³; Cầu cảng 25.000 tấn. Cầu cảng này đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hệ thống quy hoạch Cảng biển Việt Nam. Dự án đã được UBND tỉnh Đồng Nai, Bộ Công thương, Cục Hàng hải Việt Nam, Cục Cảnh sát PCCC và các cơ quan chức năng cho phép xây dựng. Công ty đã thực hiện san lấp mặt bằng giai đoạn : 5,5 ha. Hiện đang làm các thủ tục xin giấy phép xây dựng.

COMECO đầu tư dự án này để chuẩn bị cho quá trình hội nhập, đón đầu khi nước ngoài được phép kinh doanh xăng dầu tại Việt Nam. Đồng thời với việc triển khai dự án ở giai đoạn 1 thì COMECO đang tìm kiếm đối tác để hợp tác, liên kết mở rộng sang các ngành hàng khác liên quan đến sản phẩm hóa dầu.

Dự kiến khởi công xây dựng : Năm 2009

Dự kiến đưa vào hoạt động : 2010 - 2011

2. Dự án Cao ốc Văn phòng – Thương mại COMECO :

Địa điểm : 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3 (ngã ba Điện Biên Phủ - Nguyễn Thiện Thuật) – hiện đang là cửa hàng xăng dầu số 2. Diện tích : 708 m². Cao ốc gồm 2 tầng hầm, 10 tầng cao và 1 tầng lửng. Dự án hiện đang hoàn tất các thủ tục xin phép xây dựng. Sau khi hoàn thành việc xây dựng, Cao ốc COMECO sẽ được sử dụng một phần làm văn phòng, phần còn lại sử dụng kinh doanh và cho thuê.

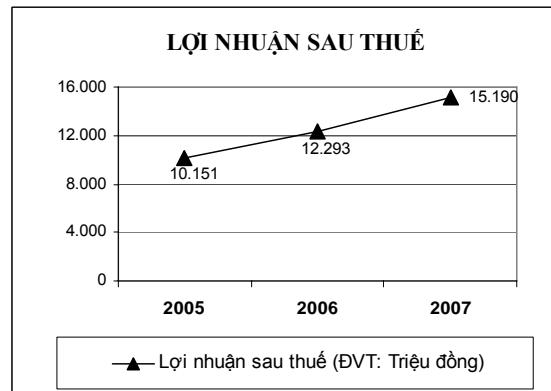
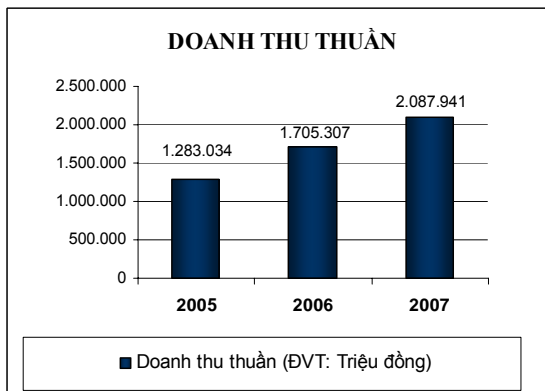
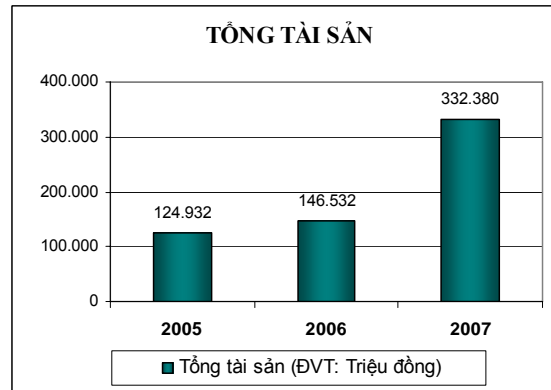
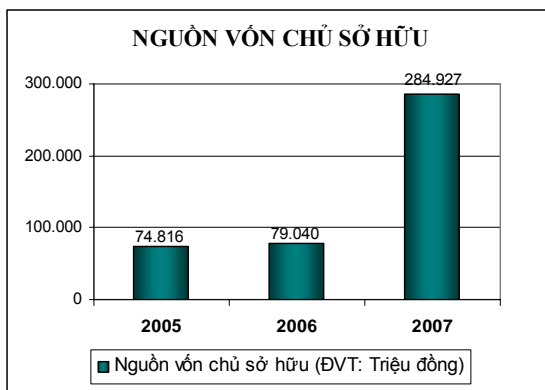
Dự kiến khởi công xây dựng : Quý IV/2008

Dự kiến đưa vào hoạt động : Cuối năm 2009 – đầu năm 2010

THỐNG KÊ TÀI CHÍNH

1. Thống kê tài chính :

| SỐ TT | CHỈ TIÊU | ĐƠN VỊ TÍNH | THỰC HIỆN NĂM 2005 | THỰC HIỆN NĂM 2006 | THỰC HIỆN NĂM 2007 | TH 06/ TH 05 | TH 07/ TH 06 |
|-------|--------------------|-------------|--------------------|--------------------|--------------------|--------------|--------------|
| A | B | C | 1 | 2 | 3 | 4(2/1) | 5(3/2) |
| 1 | Vốn chủ sở hữu | Tr. đồng | 74.816 | 79.040 | 284.927 | 106 % | 360 % |
| 2 | Tổng tài sản | Tr. đồng | 124.932 | 146.532 | 332.380 | 117 % | 227 % |
| 3 | Doanh thu thuần | Tr. đồng | 1.283.035 | 1.705.307 | 2.087.941 | 133 % | 122 % |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế | Tr. đồng | 10.151 | 12.293 | 15.190 | 121 % | 124 % |
| 5 | Lãi cơ bản trên CP | đồng/cp | 3.608 | 3.239 | 3.640 | 90 % | 112 % |



2. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản :

| CHỈ TIÊU | ĐVT | NĂM 2006 | NĂM 2007 |
|---|-----|----------|----------|
| 1. Cơ cấu tài sản : | | | |
| - Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản | % | 64,63 | 71,95 |
| - Tài sản dài hạn / Tổng tài sản | % | 35,37 | 28,05 |
| 2. Cơ cấu nguồn vốn | | | |
| - Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn | % | 46,06 | 14,28 |
| - Vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn | % | 53,94 | 85,72 |
| 3. Khả năng thanh toán : | | | |
| - Khả năng thanh toán hiện hành | lần | 2,17 | 7,00 |
| - Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn | lần | 1,60 | 5,93 |
| - Khả năng thanh toán nhanh | lần | 0,34 | 2,90 |
| 4. Tỷ suất lợi nhuận : | | | |
| - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản | % | 8,39 | 4,57 |
| - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Doanh thu | % | 0,72 | 0,73 |
| - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Nguồn vốn chủ sở hữu | % | 15,55 | 5,33 |

Ngày 21/11/2007 Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ thêm 45.999.170.000đ (tăng từ 34.000.000.000đ lên 79.999.170.000đ) theo nghị quyết của Đại hội cổ đông để đầu tư xây dựng Tổng kho xăng dầu, dự án Cao ốc văn phòng thương mại, mở rộng bán lẻ xăng dầu và tái cấu trúc vốn. Đồng thời thặng dư vốn sau đợt phát hành là 155.512.347.670đ làm cho nguồn vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2007 tăng lên 205.886.893.694đ ảnh hưởng đến các chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp như sau :

-Chỉ tiêu tài sản ngắn hạn / tổng tài sản, chỉ tiêu vốn chủ sở hữu / tổng nguồn vốn năm 2007 đều cao hơn năm 2006.

-Chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế / tổng tài sản và chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế / nguồn vốn chủ sở hữu năm 2007 đều giảm so với năm 2006 là do khoản vốn mới tăng trong tháng 11 năm 2007 làm cho nguồn vốn chủ sở hữu tăng lên (tăng 260%) nhưng khoản vốn này chưa sinh lời. Nên tuy lợi nhuận sau thuế năm nay tăng hơn năm trước là 2.896.449.780đ (tăng 24%) thấp hơn mức tăng nguồn vốn chủ sở hữu làm cho các chỉ tiêu trên của năm nay thấp hơn so với năm trước

PHÂN TÍCH CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2007

1. Những tác động ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty :

- Giá các mặt hàng thiết yếu chiến lược đều tăng, xăng dầu tăng trên 100 USD/thùng (cuối năm 2006 là 50 USD/thùng) làm ảnh hưởng đến kinh doanh của Công ty.

- Giá cả xăng dầu tăng dẫn đến nhu cầu về vốn tăng và chi phí cho lãi vay tăng, chi phí nhiên liệu, vận chuyển, ... đều tăng.

- Quyết định của Ủy ban Nhân dân Thành phố về việc vận chuyển và nhập xăng dầu vào ban đêm làm thay đổi cơ bản hoạt động của bộ phận quản lý kinh doanh và công tác quản lý tại các cửa hàng xăng dầu và đội xe bồn. Đồng thời làm tăng thêm nhiều khoản chi phí như chi phí đầu tư cho các đội xe bồn, các cửa hàng để đảm bảo an toàn phòng cháy chữa cháy cho việc nhập xăng dầu ban đêm, chi phí thuê mướn thêm xe ngoài vận chuyển; chi phí tiền lương nhân công cho các bộ phận liên quan, ...

- Tình trạng ngập nước, ùn tắc giao thông và việc phân luồng giao thông một chiều, gần giải phân cách trên địa bàn thành phố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty, phát sinh tăng chi phí.

- Chỉ số giá tiêu dùng gia tăng nên người tiêu dùng ngày càng tiết kiệm trong chi phí sử dụng nhiên liệu.

2. Kết quả hoạt động SXKD :

* Các chỉ tiêu chủ yếu đạt được :

| SỐ TT | CHỈ TIÊU | ĐƠN VỊ TÍNH | THỰC HIỆN NĂM 2000 | THỰC HIỆN NĂM 2006 | KẾ HOẠCH NĂM 2007 | THỰC HIỆN NĂM 2007 | TH 07/ TH 06 | TH 07/ KH 07 | TH 07/ TH 00 |
|-------|----------------------------|-----------------|--------------------|--------------------|-------------------|--------------------|--------------|--------------|--------------|
| A | B | | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 (4/2) | 6 (4/3) | 7 (4/1) |
| 1 | Vốn chủ sở hữu | Tr. đồng | 23.148 | 79.040 | | 284.927 | 360 | | 1.231 |
| 2 | Doanh thu thuần | Tr. đồng | 394.907 | 1.705.307 | 1.882.322 | 2.087.941 | 122 | 111 | 529 |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | Tr. đồng | 5.824 | 14.309 | | 17.652 | 123 | | 303 |
| 4 | Thuế thu nhập doanh nghiệp | Tr. đồng | 2.526 | 2.015 | | 2.462 | 122 | | 97 |
| 5 | Lợi nhuận sau thuế | Tr. đồng | 3.298 | 12.293 | 12.851 | 15.190 | 124 | 118 | 461 |
| 6 | Lãi cơ bản trên cổ phiếu | đồng/cp | | 3.239 | | 3.640 | 112 | | |
| 7 | Cổ tức | % | | 18 % | 12 % | 15 % | 83 | 125 | |

Ghi chú : - Công ty CPH từ 13-12-2000

- Cổ tức 2006 : 6% tiền mặt và 12% bằng cổ phiếu.

- Thuế TNDN năm 2006,2007 được giảm 50%.

- Cổ tức 2007 : 9% tiền mặt và 6% bằng cổ phiếu

- Vốn chủ sở hữu năm 2007 tăng cao do có thặng dư vốn cổ phần là : 155.512 triệu đồng.

- Các chỉ tiêu kinh tế năm 2007 đều đạt và vượt kế hoạch năm, đồng thời có tốc độ tăng trưởng tương đối cao so với năm 2006 và so với trước khi cổ phần hóa năm 2000.

- Tốc độ tăng trưởng bình quân qua 7 năm cổ phần hóa đạt 24%/năm.

* Kết quả thực hiện công tác quản lý, điều hành.

- Cơ cấu tổ chức của Công ty được kiện toàn, mô hình quản lý được sắp xếp phù hợp.

- Quy hoạch được đội ngũ cán bộ dự bị đến năm 2010 và có kế hoạch đào tạo phù hợp theo định hướng phát triển của Công ty. Hiện đang có : 1 người học chương trình thạc sỹ QTKD, 12 người học chương trình cử nhân các loại, 5 người học Cao đẳng kinh tế.

- Năm 2007, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho 427 người, với tổng số thời gian đào tạo là 10.332 buổi, đạt 2.581% so với mục tiêu kế hoạch năm.

- Thiết lập mạng lưới phân phối sản phẩm ổn định và các hoạt động hỗ trợ, chăm sóc khách hàng, qua đó giúp cho các chính sách bán hàng được vận dụng linh hoạt nhằm tăng khả năng cạnh tranh trên thương trường.

- Duy trì và cải tiến thường xuyên Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000, thực hiện tốt việc kiểm soát quá trình để nâng cao tính hiệu quả của mục tiêu chất lượng. Hệ thống đã được tổ chức Bureau Veritas Certification của Vương quốc Anh tái đánh giá, kết quả không có lỗi và đã được tái cấp giấy chứng nhận vào tháng 1 năm 2008.

- Chương trình phần mềm quản lý mới của Công ty đang từng bước triển khai áp dụng nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý đối với hoạt động kinh doanh ngày càng phát triển của Công ty.

- Các biện pháp về tiết kiệm được duy trì thường xuyên, các chi phí điện, nước, điện thoại, chi phí hội họp, tồn kho,... đều giảm. Năm 2007, tiết kiệm được 884,287 triệu đồng.

- Công tác phòng cháy chữa cháy, an ninh trật tự tại các cửa hàng được đảm bảo an toàn. Đây là điều kiện thuận lợi để ổn định và phát triển kinh doanh.

- Tình hình tài chính minh bạch, lành mạnh, vốn được bảo toàn và phát triển, đảm bảo lợi ích của cổ đông và người lao động. Mọi hoạt động đều được kiểm tra và giám sát bởi Ban Kiểm soát Công ty.

- Công tác thông tin, báo cáo kịp thời, quyết toán đúng theo quy định, đảm bảo cho việc điều hành và kinh doanh hiệu quả. Báo cáo quyết toán của Công ty được kiểm toán bởi một đơn vị kiểm toán độc lập : Công ty TNHH Kế toán Kiểm toán Hà Nội (tên viết tắt là CPA) để thực hiện kiểm toán cho Công ty.

- Việc trích lập các quỹ đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, điều lệ và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Phát hành 4.599.917 cổ phiếu (mệnh giá 10.000đ/cp) ra công chúng để huy động vốn. Trong đợt phát hành cổ phiếu lần này, ngoài việc phân phối cho cổ đông hiện hữu, COMECO còn bán cho các đối tác chiến lược 2.046.690 cổ phần. Việc phát hành tăng vốn lần này đánh dấu thêm một sự thành công mới của COMECO.

- Công tác quản lý đầu tư của Công ty được thực hiện đúng theo các quy định của Nhà nước. Việc đầu tư thực hiện có trọng tâm, hiệu quả và tránh được lãng phí.

*** Nguyên nhân đạt được :**

1. Hội đồng Quản trị thực hiện đúng nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty và pháp luật Nhà nước.

2. Quản lý, điều hành thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi của cổ đông, Công ty và Nhà nước. Công tác quản lý chặt chẽ, hiệu quả.

3. Xây dựng được chiến lược phát triển kinh doanh dài, trung, ngắn hạn và đề ra được các giải pháp thực hiện phù hợp. Điều này đã được khẳng định ở kết quả SXKD sau 7 năm cổ phần hóa và các chiến lược đầu tư của Công ty.

4. Duy trì và ngày càng hoàn thiện hệ thống ISO 9001:2000, áp dụng công cụ quản lý nâng cao năng suất lao động.

5. Xây dựng văn hóa doanh nghiệp nhằm tạo uy tín để phát triển thương hiệu COMECO.

NHỮNG SỰ KIẾN TIÊU BIỂU NĂM 2007

1. Tiếp tục duy trì được tốc độ tăng trưởng bình quân : **24 %/năm**.
2. Công ty đã **phát hành thành công đợt bán 4,6 triệu cổ phần** tăng vốn điều lệ từ 34 tỷ lên gần 80 tỷ đồng. Đặc biệt, Công ty đã lựa chọn bán cổ phiếu cho những đối tác chiến lược có thương hiệu mạnh và hợp tác lâu dài với Công ty.
3. “**Giải Vàng Chất lượng Việt Nam năm 2007**” do Bộ Khoa học – Công nghệ tặng. COMECO là một trong 5 Doanh nghiệp của TP. HCM được tặng giải Vàng Chất lượng Việt Nam trong suốt 12 năm tồn tại của giải, và là đơn vị thuần túy Việt Nam đầu tiên tại TP. HCM được tặng giải Vàng Chất lượng Việt Nam.
4. **Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ tặng** với những thành tích đã đạt được trong năm 2007.
5. Công ty triển khai **áp dụng công cụ 5S** tại Văn phòng Công ty và Chi nhánh cửa hàng xăng dầu số 8 và đã được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đánh giá chứng nhận.
6. Giải “**Thương hiệu Vàng**” và Giải “**Slogan - Logo ấn tượng**” năm 2007 do Hiệp hội Chống hàng giả và Bảo vệ Thương hiệu Việt Nam (VATAP) tặng - với Logo hình giọt dầu màu cam và Slogan: “**COMECO vì khách hàng phục vụ**”.
7. Công ty đạt giải **Doanh nghiệp áp dụng thành công khoa học – công nghệ** (giải thưởng **BUTECH**).
8. Hệ thống quản lý chất lượng **ISO 9001:2000** được Tổ chức Bureau Veritas Certification của Vương quốc Anh tái đánh giá (sau 3 năm nhận giấy chứng nhận), kết quả không có lỗi và đã được tái cấp giấy chứng nhận vào tháng 1 năm 2008.
9. Công ty đã và đang triển khai đồng bộ việc **quảng cáo thương hiệu COMECO** tại các cửa hàng xăng dầu COMECO **theo thiết kế mới**.

MỤC TIÊU, KẾ HOẠCH 2008

* Dự báo tình hình :

- Tình hình thị trường diễn biến ngày càng phức tạp : Giá vàng, giá dầu thô biến động cao, thị trường chứng khoán sụt giảm, thị trường bất động sản có dấu hiệu đóng băng, tình hình lạm phát, giá vật liệu xây dựng tăng cao. Dự báo một năm hoạt động kinh doanh sẽ có nhiều khó khăn.

- Giá xăng dầu tiếp tục diễn biến phức tạp, điều này tác động đến việc hoạch định các chiến lược và kế hoạch phát triển kinh doanh của COMECO.

- Nhiều khoản mục chi phí sẽ tăng cao, ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của Công ty.

- Trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế, tình hình cạnh tranh sẽ diễn ra gay gắt hơn, với nhiều “đôi thủ” hơn, trên bình diện rộng hơn, sâu hơn.

* Mục tiêu cụ thể năm 2008 :

- Đạt mức tăng trưởng về doanh thu, sản lượng bình quân hàng năm 10% trở lên.

- Đầu tư dự án Tổng kho xăng dầu COMECO tại Nhơn Trạch.

- Đầu tư xây dựng tối thiểu 2 cửa hàng xăng dầu.

- Liên doanh, liên kết thực hiện kinh doanh bất động sản với việc sử dụng nguồn vốn một cách thận trọng, hiệu quả, trước mắt đầu tư trên các mặt bằng đất của Công ty.

- Đầu tư tài chính với việc cân đối nguồn vốn một cách cẩn thận và hiệu quả.

- Đầu tư xây dựng Cao ốc Văn phòng – Thương mại COMECO.

- Xây dựng và phát triển văn hóa COMECO, thương hiệu COMECO bền vững trên thương trường.

* Chỉ tiêu kế hoạch :

Đvt : Triệu đồng

| SỐ TT | CHỈ TIÊU | THỰC HIỆN NĂM 2007 | KẾ HOẠCH NĂM 2008 | TỈ LỆ (%) |
|-------|----------------------|--------------------|-------------------|-----------|
| 1 | Doanh thu bán hàng | 2.087.941 | 2.550.000 | 122 |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế | 17.651 | 22.222 | 126 |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế | 15.190 | 16.000 | 105 |
| 4 | Cổ tức | 15% | 12% | 80 |

Ghi chú : Thuế TNDN năm 2007 được giảm 50%, năm 2008 thuế TNDN không được giảm.

* Biện pháp :

- Nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng, kết hợp nhiều biện pháp quảng bá và chiêu thị để sản phẩm và dịch vụ của Công ty đi vào tâm trí khách hàng. Tăng cường chính sách và chăm sóc khách hàng.

- Phát triển vững chắc hệ thống đại lý xăng dầu ở thị trường TP. HCM và các tỉnh lân cận. Đẩy mạnh việc bán hàng vào các khu chế xuất, khu công nghiệp, khu kinh tế và các nhà máy, xí nghiệp,... trực tiếp sử dụng xăng dầu.

- Tích cực khai thác dịch vụ xây dựng, tham gia đấu thầu xây dựng các trạm xăng dầu, kho hàng.

- Nâng cấp cơ sở hạ tầng để phát triển hợp tác, liên doanh khai thác kinh doanh kho bãi.

- Thực hiện đầu tư theo tiến độ kế hoạch.

- Nâng cao chất lượng tuyển dụng và đào tạo. Tăng cường công tác đào tạo nội bộ để chuẩn hóa dần lực lượng lao động, đặc biệt là đối với lực lượng quản lý các chi nhánh. Mở rộng các đối tượng bắt buộc phải có trình độ vi tính và tiếng Anh.

- Sử dụng vốn hiệu quả, đặc biệt là nguồn vốn phát hành thêm vào cuối năm 2007.
- Truy cập và xử lý thông tin kịp thời để có quyết định kinh doanh phù hợp nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- Sử dụng tích hợp các hệ thống quản lý chất lượng, công cụ quản lý nâng cao năng suất lao động. Duy trì việc thực hiện đánh giá nội bộ đột xuất và kiểm tra thường xuyên để nâng cao hiệu quả quản lý.
- Có chính sách khai thác tiềm năng trong nội bộ, phát huy tối đa sáng kiến, ý tưởng của toàn thể CB-CNV Công ty. Khen thưởng động viên kịp thời.

TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI

** Với cộng đồng :*

Cùng với việc phát triển SXKD, COMECO luôn xem việc bảo vệ môi trường sinh thái, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, chăm lo cho các gia đình chính sách và chia sẻ nỗi đau với các nạn nhân là trách nhiệm và lẽ sống của mình, COMECO đã có nhiều hoạt động xây tặng nhà tình nghĩa, tình thương, cấp dưỡng mẹ Việt Nam anh hùng, vợ liệt sĩ, và các đóng góp khác. COMECO đã được Ủy ban Mặt trận Tổ quốc thành phố Hồ Chí Minh tặng **Bằng khen** trong đợt kỷ niệm 60 năm “đền ơn đáp nghĩa”

** Với Khách hàng :*

“COMECO vì khách hàng phục vụ” cùng chia sẻ lợi nhuận với khách hàng là triết lý kinh doanh của COMECO.

** Với cổ đông và nhà đầu tư :*

Là sự ổn định gắn bó lâu dài trên tinh thần hợp tác, công khai, minh bạch.

** Với đối tác :*

Duy trì sự hợp tác, liên doanh, liên kết trên nguyên tắc thiện chí, tôn trọng lợi ích của các bên tham gia.

** Với Công nhân viên :*

COMECO luôn xem người lao động là vốn quý, là tài sản của doanh nghiệp, các chế độ đối với NLĐ được thực hiện đầy đủ theo quy định. Ngoài ra, Công ty đã nâng hầu hết các mức thỏa thuận trong thỏa ước lao động tập thể theo hướng có lợi cho NLĐ, thực hiện các chế độ ưu đãi đối với NLĐ như : Khen thưởng; chương trình cổ phiếu thưởng (ESOP); tặng kỷ niệm chương cho NLĐ có thâm niên công tác tại COMECO từ 20 năm trở lên; tham quan du lịch; tặng quà sinh nhật; tặng quà các dịp lễ Tết, trao học bổng và khen thưởng con NLĐ học giỏi, hỗ trợ tiền học phí cho con NLĐ, ... nhằm động viên NLĐ gắn bó lâu dài với Công ty và thu hút lao động chất xám.

Khuyến khích, động viên NLĐ tham gia học tập, COMECO chi trả toàn bộ tiền học phí cho NLĐ theo những ngành mà COMECO định hướng.

Tạo môi trường làm việc bình đẳng, gắn kết để NLĐ xem COMECO như gia đình thứ hai của mình nhằm phát huy tinh thần làm việc đồng đội, tinh thần trách nhiệm và sự tương thân, tương ái.

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT VỀ TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2007 CỦA CÔNG TY CP VẬT TƯ-XĂNG DẦU (COMECO)

- Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát được quy định trong điều lệ của Công ty Cổ phần Vật tư – Xăng dầu.
- Căn cứ vào các tài liệu liên quan về tình hình sản xuất kinh doanh của năm 2007.
- Căn cứ vào báo cáo tài chính của Công ty sau khi đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội CPA – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

Ban Kiểm soát đã rà soát và xem xét báo cáo tài chính năm 2007 của Công ty, thống nhất với kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2007 của HĐQT đã trình bày trước đại hội và được nêu một số nội dung chủ yếu trong phạm vi kiểm soát của Công ty như sau:

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2007

Trong năm 2007, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty biểu hiện trên chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận như sau :

- Doanh thu thuần : 2.087,9 tỷ, đạt 111% kế hoạch, tăng 22% so với thực hiện năm 2006.
- Lợi nhuận trước thuế : 17,651 tỷ, đạt 118% kế hoạch, tăng 23% so với thực hiện năm 2006.
- Lợi nhuận sau thuế : 15,190 tỷ, đạt 118% kế hoạch, tăng 24% so với thực hiện năm 2006.

Điều này cho thấy, doanh thu và lợi nhuận có tốc độ tăng trưởng cao so kế hoạch và thực hiện năm trước, mặc dù trong năm 2007, tình hình kinh tế thế giới cũng như trong nước có nhiều biến động, đặc biệt giá xăng dầu trong năm qua liên tục tăng ở mức độ cao đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình kinh doanh của Công ty, đạt được những kết quả khả quan như trên là sự cố gắng rất lớn của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Công ty và toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty.

II. TÌNH HÌNH VỐN TÍCH LŨY HOẠT ĐỘNG :

A. Vốn hoạt động có đến ngày 31/12/2007 :

- 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 79.999.170.000 đồng
- 2. Quỹ đầu tư phát triển : 23.837.348.085 đồng
- 3. Quỹ dự phòng tài chính : 2.633.645.750 đồng

B. Tạm phân phối lợi nhuận năm 2007 như sau :

- 1. Quỹ dự phòng tài chính : 759.496.000 đồng
- 2. Quỹ khen thưởng, phúc lợi : 1.518.991.000 đồng
- 3. Chia cổ tức trong năm : 7.761.031.000 đồng
- 4. Quỹ đầu tư phát triển : 4.610.393.000 đồng

Theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2007 thì vốn tích lũy đến ngày 31-12-2007 như sau :

Đvt: đồng

| TÀI KHOẢN | LŨY KẾ 31-12-2007 | TẠM TRÍCH 2007 | TỔNG CỘNG |
|---------------------------|--------------------------|-----------------------|-----------------------|
| 1. Quỹ đầu tư phát triển | 23.837.348.085 | 4.610.393.000 | 28.447.741.085 |
| 2. Quỹ dự phòng tài chính | 2.633.645.750 | 759.496.000 | 3.393.141.750 |
| Tổng cộng | 26.470.993.835 | 5.369.889.000 | 31.840.882.835 |

C. Tình hình tài sản và vốn đến ngày 31-12-2007 :

| | |
|--|------------------------------|
| 1. Nguyên giá tài sản cố định | : 58.374.378.341 đồng |
| - Hao mòn tài sản cố định | : 26.062.923.043 đồng |
| - Giá trị còn lại | : 32.311.455.298 đồng |
| 2. Vốn điều lệ | : 34.000.000.000 đồng |
| Trong đó, vốn Nhà nước | : 6.877.300.000 đồng |
| 3. Vốn hoạt động đến ngày 31/12/2007 : | |
| (Gồm phần tăng theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2007) | |
| - Vốn đầu tư của chủ sở hữu | : 79.999.170.000 đồng |
| - Quỹ dự phòng tài chính | : 3.393.141.750 đồng |
| - Quỹ đầu tư phát triển | : 28.447.741.085 đồng |

III. VỀ ĐẦU TƯ TRONG NĂM 2007

| | |
|--|------------------------------|
| 1. Tài sản cố định | : 372.167.455 đồng |
| - Thiết bị văn phòng (máy vi tính, máy chiếu...) | : 114.489.536 đồng |
| - Máy móc thiết bị (trụ bơm) | : 257.677.919 đồng |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | : 44.021.097.395 đồng |
| - Dự án Tổng kho xăng dầu Nhơn Trạch – Đồng Nai | : 4.805.316.406 đồng |
| - Dự án Cao ốc văn phòng | : 39.118.016.981 đồng |
| - Nâng cấp, sửa chữa cửa hàng xăng dầu | : 97.764.008 đồng |
| Tổng công chi phí đầu tư 2007 (1+2) | : 44.393.264.850 đồng |

IV. VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN – TÀI CHÍNH

Bộ máy thực hiện công tác quản lý tài chính – kế toán của Công ty hợp lý, hoạt động có hiệu quả. Vì vậy các số liệu kế toán được cập nhật nhanh chóng, trung thực, chính xác, khoa học nên việc lập báo cáo tài chính quý, năm đúng theo chuẩn mực kế toán qui định mà Nhà nước ban hành.

Công ty thực hiện nghiêm túc các qui định như kê khai thuế đúng định kỳ, báo cáo tài chính quý, năm đúng thời gian, nộp ngân sách kịp thời đầy đủ, thực hiện việc xác nhận công nợ đều đặn.

Công ty thực hiện tốt chế độ công bố thông tin định kỳ và thông tin tức thời theo qui định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

Trong năm Ban Kiểm soát chưa phát hiện xảy ra trường hợp nào vi phạm các qui định nêu trong điều lệ. Không có phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới công việc của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ điều lệ hay từ bất cứ quyền và nghĩa vụ do luật doanh nghiệp hay các luật khác qui định giữa cổ đông với HĐQT, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành.

Các số liệu về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính đã được HĐQT báo cáo trước Quý vị cổ đông là xác thực, đúng với kết quả đạt được của Công ty và đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội CPA – Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh.

V. VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT VÀ BAN TGD

- Năm 2007, tình hình kinh tế thế giới cũng như trong nước có nhiều biến động, giá các mặt hàng thiết yếu – chiến lược đều tăng, đặc biệt giá xăng dầu trong năm qua liên tục tăng ở mức độ cao đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình kinh doanh của Công ty. Để đạt được những kết quả như trên, HĐQT và Ban TGD Công ty đã có nhiều nỗ lực trong việc nắm bắt thông tin, dự báo tình hình để có những quyết định kinh doanh phù hợp, kịp thời, hiệu quả.

- Công tác quản lý và điều hành thực hiện theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty và pháp luật Nhà nước.

- Quản lý, điều hành thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi của cổ đông, Công ty và Nhà nước. Duy trì kinh doanh ổn định và phát triển, tốc độ tăng trưởng các chỉ tiêu kinh tế tương đối cao. Công tác quản lý chặt chẽ, hiệu quả, công khai minh bạch, vốn được bảo toàn và phát triển, tình hình tài chính lành mạnh.

- Định hướng được chiến lược phát triển đúng đắn, phù hợp khả năng và xu thế phát triển của thị trường, đồng thời có các giải pháp thực hiện khả thi, hiệu quả. Điều này đã được khẳng định ở kết quả sản xuất kinh doanh sau 7 năm cổ phần hoá và các chiến lược đầu tư của Công ty. Hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc đã đưa doanh nghiệp ngày càng phát triển và chủ động tạo các tiền đề để nâng cao sức cạnh tranh trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Các nội dung và số liệu báo cáo của Ban Kiểm soát trước Quý vị cổ đông ngày hôm nay đã được thực hiện kiểm soát độc lập, theo đúng qui định, đúng thẩm quyền và trách nhiệm của Ban Kiểm soát.

Xin trình báo Đại hội đồng cổ đông.

Trân trọng kính chào.

**BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Hữu Hoàng

Phạm Văn Khoa

Lê Khắc Hồng Lan

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2007

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

HDQT và Ban TGD Công ty Cổ Phần Vật tư - Xăng dầu (COMECO) (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007.

Khái quát

Công ty Cổ Phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO) được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần theo Quyết định số 94/2000/QĐ-TTG ngày 09 tháng 08 năm 2000 của Thủ Tướng Chính Phủ.

Giấy đăng ký kinh doanh số 4103000236 ngày 13/12/2000 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp, giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần 6 ngày 01/06/2006.

Kết quả hoạt động

Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2007 là **15,189,911,195 VND**.

Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31/12/2007 là **12,228,830,195 VND**.

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Tại ngày 03/03/2008 công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 7 tăng vốn điều lệ từ 34.000.000.000 đồng lên 79.999.170.000 đồng

Kiểm toán viên

Công ty Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA Hà Nội) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của HDQT và Ban TGD đối với Báo cáo tài chính

HDQT và Ban TGD Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng.
- Các chuẩn mực kế toán được tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính.
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

HDQT và Ban TGD Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các hành vi khác.

HDQT và Ban TGD Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2007, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng quản trị và Ban TGD COMECO phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2007 của Công ty.

Tp.HCM, Ngày 24 tháng 03 năm 2008

TM. HDQT và Ban TGD
CT.HDQT - TGD

Số: 048 /BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về Báo cáo tài chính năm 2007
của Công ty Cổ Phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO)*

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Công ty Cổ Phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO)

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ Phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO) (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 22/01/2008 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2007, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 được trình bày từ trang 06 đến trang 24 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO) tại ngày 31/12/2007, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2007, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2008

CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh

Phó Giám Đốc

Nguyễn Minh Tiến

Chứng chỉ KTV Số: 0547/KTV

Kiểm Toán Viên

Cao Thị Hồng Nga

Chứng chỉ KTV Số: 0613/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính : VND

| TÀI SẢN | MÃ SỐ | THUYẾT MINH | SỐ CUỐI NĂM | SỐ ĐẦU NĂM |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A. Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150) | 100 | | 239,145,078,488 | 94,701,057,566 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | | 116,790,450,940 | 18,596,818,569 |
| 1. Tiền | 111 | 01 | 116,790,450,940 | 18,596,818,569 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | | |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 32,477,831,560 | 1,353,849,000 |
| 1. Đầu tư ngắn hạn | 121 | 02 | 32,778,201,000 | 1,353,849,000 |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn | 129 | | (300,369,440) | - |
| III. Các khoản phải thu | 130 | 03 | 59,440,557,290 | 37,046,683,872 |
| 1. Phải thu khách hàng | 131 | | 34,024,040,500 | 31,025,031,073 |
| 2. Trả trước cho người bán | 132 | | 25,195,610,009 | 2,091,380,231 |
| 5. Các khoản phải thu khác | 138 | | 220,906,781 | 3,930,272,568 |
| 6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi | 139 | | | |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | 04 | 22,724,259,725 | 34,483,142,115 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 23,879,004,459 | 36,238,256,289 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (1,154,744,734) | (1,755,114,174) |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 7,711,978,973 | 3,220,564,010 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 512,281,265 | 630,663,725 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | | 32,693,397 |
| 3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước | 154 | 05 | | 553,432,921 |
| 4. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | 06 | 7,199,697,708 | 2,003,773,967 |
| B. Tài sản dài hạn (200=210+220+240+250+260) | 200 | | 93,235,305,092 | 51,831,279,022 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | 07 | 93,235,305,092 | 51,831,279,022 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | | 20,614,407,076 | 22,973,986,721 |
| - Nguyên giá | 222 | | 45,499,794,321 | 45,127,626,866 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (24,885,387,245) | (22,153,640,145) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | | |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | | 11,697,048,222 | 11,954,539,902 |
| - Nguyên giá | 228 | | 12,874,584,020 | 12,874,584,020 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (1,177,535,798) | (920,044,118) |
| 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | 08 | 60,923,849,794 | 16,902,752,399 |
| III. Bất động sản đầu tư | 240 | | - | - |
| IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | - | - |
| V. Tài sản dài hạn khác | 260 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200) | 270 | | 332,380,383,580 | 146,532,336,588 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính : VND

| NGUỒN VỐN | MÃ SỐ | THUYẾT MINH | SỐ CUỐI NĂM | SỐ ĐẦU NĂM |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A. Nợ phải trả (300=310+330) | 300 | | 47,453,361,859 | 67,492,208,561 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 40,301,073,485 | 59,292,827,331 |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn | 311 | 09 | 1,400,000,000 | 41,975,000,000 |
| 2. Phải trả cho người bán | 312 | | 17,839,372,130 | 3,670,548,656 |
| 3. Người mua trả tiền trước | 313 | | 9,557,080,266 | 19,272,627 |
| 4. Thuế và các khoản phải trả Nhà nước | 314 | 10 | 1,624,177,255 | 1,448,585,217 |
| 5. Phải trả công nhân viên | 315 | | 4,319,240,449 | 6,833,529,370 |
| 6. Chi phí phải trả | 316 | 11 | 484,455,540 | 503,705,540 |
| 7. Phải trả nội bộ | 317 | | 55,401,755 | 55,401,755 |
| 9. Các khoản phải trả, phải nộp khác | 319 | 12 | 5,021,346,090 | 4,786,784,166 |
| 10. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 320 | | | |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 7,152,288,374 | 8,199,381,230 |
| 4. Vay và nợ dài hạn | 334 | 13 | 7,152,288,374 | 8,199,381,230 |
| B. Vốn chủ sở hữu (400=410+430) | 400 | | 284,927,021,721 | 79,040,128,027 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 14 | 283,642,136,495 | 78,625,303,774 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | | 79,999,170,000 | 34,000,000,000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 155,512,347,670 | 4,393,630,000 |
| 3. Vốn khác của chủ sở hữu | 413 | | 14,097,992,895 | 13,050,900,039 |
| 4. Cổ phiếu quỹ | 414 | | (4,667,198,100) | (4,601,830,100) |
| 7. Quỹ đầu tư phát triển | 417 | | 23,837,348,085 | 19,621,340,863 |
| 8. Quỹ dự phòng tài chính | 418 | | 2,633,645,750 | 2,018,975,750 |
| 9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 419 | | | |
| 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 420 | | 12,228,830,195 | 10,142,287,222 |
| II. Nguồn kinh phí, quỹ khác | 430 | | 1,284,885,226 | 414,824,253 |
| 1. Quỹ khen thưởng và phúc lợi | 431 | | 1,284,885,226 | 414,824,253 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400) | 440 | | 332,380,383,580 | 146,532,336,588 |

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính : VND

| CHỈ TIÊU | THUYẾT MINH | SỐ CUỐI NĂM | SỐ ĐẦU NĂM |
|--|-------------|-------------|------------|
| 1. Tài sản thuê ngoài | | | |
| 2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công | | | |
| 3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi | | | |
| 4. Nợ khó đòi đã xử lý | | | |
| 5. Ngoại tệ các loại | | | |
| - USD | | 681.09 | 588.12 |
| 6. Hạn mức kinh phí còn lại | | | |

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2007

Đơn vị tính : VND

| CHỈ TIÊU | MÃ SỐ | THUYẾT MINH | NĂM NAY | NĂM TRƯỚC |
|---|-------|-------------|-------------------|-------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 15 | 2,087,941,306,742 | 1,705,306,824,834 |
| 2. Các khoản giảm trừ | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-03) | 10 | 16 | 2,087,941,306,742 | 1,705,306,824,834 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | 17 | 2,015,793,743,705 | 1,650,808,479,991 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11) | 20 | | 72,147,563,037 | 54,498,344,843 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 18 | 649,444,192 | 200,901,794 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | 19 | 3,658,512,118 | 2,074,963,260 |
| <i>Trong đó : Chi phí lãi vay</i> | 23 | | 3,658,512,118 | 2,074,963,260 |
| 8. Chi phí bán hàng | 24 | | 43,992,577,974 | 31,702,715,235 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | | 8,039,818,445 | 6,824,638,176 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)} | 30 | | 17,106,098,692 | 14,096,929,966 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | | 545,492,929 | 215,922,004 |
| 12. Chi phí khác | 32 | | - | 4,134,009 |
| 13. Lợi nhuận khác (40=31-32) | 40 | | 545,492,929 | 211,787,995 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40) | 50 | | 17,651,591,621 | 14,308,717,961 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | 20 | 2,461,680,426 | 2,015,256,546 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | | |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 15,189,911,195 | 12,293,461,415 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 22 | 3,640 | 3,239 |

Lập, ngày 22 tháng 01 năm 2008

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Hữu Hoàng

Phạm Công Quyền

Trương Đức Hạnh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2007

(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính : VND

| CHỈ TIÊU | MÃ SỐ | NĂM NAY | NĂM TRƯỚC |
|---|-----------|-------------------------|------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | 17,651,591,621 | 14,308,717,961 |
| 2. Điều chỉnh các khoản | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định | 02 | 2,989,238,780 | 3,310,494,778 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | (300,000,000) | (120,427,786) |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | (649,444,192) | (200,901,794) |
| - Chi phí đi vay | 06 | 3,658,512,118 | 2,074,963,260 |
| 3. Lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động | 08 | 23,349,898,327 | 19,372,846,419 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | (27,003,670,841) | (7,469,808,616) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | 12,359,251,830 | (1,619,744,654) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp) | 11 | 21,173,092,192 | 3,215,498,348 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | 118,382,460 | 270,178,327 |
| - Tiền lãi vay đã trả | 13 | (3,658,512,118) | (2,074,963,260) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 14 | (2,296,579,701) | (1,434,067,419) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 15 | 2,706,733,663 | 846,954,415 |
| - Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | (2,305,685,261) | (4,942,331,695) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 24,442,910,551 | 6,164,561,865 |
| II. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác | 21 | (44,393,264,850) | (4,343,078,174) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác | | | |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (44,393,264,850) | (4,343,078,174) |
| III. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | 197,117,887,670 | |
| 2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu | 32 | (31,489,720,000) | (1,353,849,000) |
| 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | 857,000,000,000 | 606,436,200,000 |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | (897,575,000,000) | (592,662,200,000) |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | (6,909,181,000) | (3,946,866,600) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | 118,143,986,670 | 8,473,284,400 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40) | 50 | 98,193,632,371 | 10,294,768,091 |
| Tiền và tương đương tiền tồn đầu kỳ | 60 | 18,596,818,569 | 8,302,050,478 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | |
| Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ (50+60+61) | 70 | 116,790,450,940 | 18,596,818,569 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO) được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần theo Quyết định số 94/2000/QĐ-TTG ngày 09 tháng 08 năm 2000 của Thủ Tướng Chính Phủ.

Giấy đăng ký kinh doanh số 4103000236 ngày 13/12/2000 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp, giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần 6 ngày 01/06/2006.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 11 đường Cao Bá Nhạ, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh.

Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, thương mại, dịch vụ, xây dựng.

Ngành nghề kinh doanh:

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 6 ngày 01/06/2006 thì lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là: Xuất, nhập khẩu: Xăng, dầu, nhớt, mỡ, gas, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), thiết bị cho trạm xăng và phương tiện giao thông vận tải. Sửa chữa, tân trang phương tiện, thiết bị giao thông vận tải, xây dựng dân dụng và công nghiệp. Cho thuê văn phòng, kho bãi, dịch vụ rửa xe. Vận chuyển hàng hóa, hành khách (nội ngoại thành và liên tỉnh). Dịch vụ cung ứng tàu biển, giao nhận hàng hóa trong và ngoài nước. Vận chuyển nhiên liệu, nhớt, mỡ bằng ô tô (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo qui định của pháp luật và đối với vận chuyển xăng dầu chỉ hoạt động khi được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật). Mua bán phân bón. Cho thuê nhà ở. Mua bán khẩu trang. Mua bán xe ô tô, xe mô tô, xe máy, vải, hàng may mặc, giày dép, quần áo may sẵn, quần áo thể thao, quần áo bảo hộ lao động, thiết bị điện tử viễn thông – điện tử điều khiển, thiết bị phát sóng, linh kiện điện thoại. Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa. Kinh doanh dịch vụ ăn uống (không kinh doanh tại trụ sở). Quảng cáo thương mại. Lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy. Bổ sung kinh doanh nhà. Môi giới bất động sản. Mua bán máy tính, phần mềm máy tính đã đóng gói, thiết bị ngoại vi, thiết bị văn phòng (máy tính, phần mềm máy tính, thiết bị ngoại vi như máy in, photocopy, kết sắt, vật tư ngành in), thiết bị điều hòa nhiệt độ, thiết bị vệ sinh (điều hòa không khí, lò sưởi kim loại, hệ thống sưởi bằng nước nóng, thiết bị vệ sinh), thiết bị, dụng cụ hệ thống điện (máy biến thế, mô tơ điện, ổn áp, máy phát, dây điện, vật lưu dẫn, bóng đèn, bảng điện, công tắc, cầu chì, aptômát), vật liệu xây dựng, thiết bị máy ngành công nghiệp – khai khoáng – lâm nghiệp và xây dựng. Thiết kế các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị. Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp. Tư vấn xây dựng. Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính – kế toán). Đại lý dịch vụ bưu chính - viễn thông (trừ đại lý truy nhập internet)/.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Công ty đã áp dụng Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra Việt Nam đồng theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp: Hàng hóa: bình quân gia quyền, Vật tư: nhập trước xuất trước.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

| | |
|--------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 02 – 50 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 05 – 12 năm |
| - Phương tiện vận tải | 05 – 10 năm |
| - Thiết bị văn phòng | 03 – 10 năm |

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước:

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá trị thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay hoặc đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN :

| 1. Tiền và các khoản tương đương tiền | Đơn vị tính : VND | |
|---|------------------------|-----------------------|
| | Cuối năm | Đầu năm |
| - Tiền mặt | 4,917,833,776 | 1,438,918,600 |
| - Tiền gửi ngân hàng | | 9,576,813,482 |
| | 111,872,617,164 | |
| <i>Tiền gửi (VND)</i> | <i>111,861,522,002</i> | <i>9,567,588,180</i> |
| <i>Tiền gửi ngoại tệ (USD)</i> | <i>11,095,162</i> | <i>9,225,302</i> |
| - Tiền đang chuyển | | 7,581,086,487 |
| Cộng | 116,790,450,940 | 18,596,818,569 |
| | | |
| 2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | Cuối năm | Đầu năm |
| - Chứng khoán đầu tư ngắn hạn (a) | 32,778,201,000 | 1,353,849,000 |
| - Đầu tư ngắn hạn khác | | |
| - Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (b) | (300,369,440) | |
| Cộng | 32,477,831,560 | 1,353,849,000 |

Ghi chú:

| (a) Cổ phiếu của các công ty : | Số lượng CP | Số tiền |
|--|-------------|----------------|
| + Công ty CP Cafe Petec | 42,000 | 426,000,000 |
| + Công ty CP TM-KT và Đầu tư Petec-Hà Nam Ninh | 26,990 | 272,599,000 |
| + Công ty CP Bến xe Miền Tây | 44,300 | 775,250,000 |
| + Công ty CP XNK Thủ Đức | 33,266 | 1,480,382,000 |
| + Công ty CP Cơ Khí ô tô Cần Thơ | 100,000 | 1,000,000,000 |
| + Công ty CP Cơ Khí Xăng dầu | 100,660 | 3,219,470,000 |
| + Công ty Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận | 160,500 | 17,654,500,000 |
| + Công ty CDK Lữ Gia | 100,000 | 4,500,000,000 |
| + Công ty TN Cà Mau | 150,000 | 3,450,000,000 |
| (Mệnh giá các cổ phiếu trên: 10.000đ/cp) | | |
| (b) Là khoản dự phòng giảm giá Công ty Cổ phần Cơ Khí Xăng Dầu | | (300,369,440) |

| 3. Các khoản phải thu ngắn hạn | Cuối năm | Đầu năm |
|---------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| - Phải thu khách hàng (a) | 34,024,040,500 | 31,025,031,073 |
| - Trả trước cho người bán (b) | 25,195,610,009 | 2,091,380,231 |
| - Phải thu khác | 220,906,781 | 3,930,272,568 |
| Cộng | 59,440,557,290 | 37,046,683,872 |

Ghi chú:

(a) Đa số là các khách hàng mua xăng dầu, không có khoản phải thu nào là khó đòi

(b) Chi tiết gồm:

| | | |
|---------------------------------|----------------|---------------|
| + Công ty Xăng dầu khu vực 2 | - | 2,034,198,850 |
| + Sài Gòn Petro | 7,996,110,182 | - |
| + Công ty TM-KT và Đầu tư Petec | 16,640,788,701 | - |
| + Công ty BP Limited | 365,443,629 | - |
| + Các khoản ứng trước khác | 193,267,497 | 57,181,381 |

| 4. Hàng tồn kho | Cuối năm | Đầu năm |
|---|-----------------------|-----------------------|
| - Hàng mua đang đi trên đường | - | 16,178,322,100 |
| - Nguyên liệu, vật liệu tồn kho | - | 219,099,633 |
| - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 4,833,257,599 | 1,558,347,864 |
| - Hàng hoá tồn kho | 19,045,746,860 | 18,282,486,692 |
| Cộng giá gốc hàng tồn kho | 23,879,004,459 | 36,238,256,289 |
| - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | (1,154,744,734) | (1,755,114,174) |
| - Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho | 22,724,259,725 | 34,483,142,115 |
| - Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 600,369,440 | 282,299,640 |
| Lý do: + Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho năm trước | 600,369,440 | 482,710,845 |
| + Trích thêm dự phòng giảm giá hàng tồn kho năm nay | - | 200,411,205 |

| 5. Thuế và các khoản phải thu nhà nước | Cuối năm | Đầu năm |
|---|-----------------|--------------------|
| - Các khoản thuế nộp thừa cho Nhà nước | - | 553,432,921 |
| + Thuế TNDN | - | - |
| + Thuế GTGT | - | 553,432,921 |
| | - | 553,432,921 |

| 6. Tài sản ngắn hạn khác | Cuối năm | Đầu năm |
|--------------------------------------|----------------------|----------------------|
| - Tạm ứng xây dựng tổng kho xăng dầu | 2,878,100,167 | 2,003,773,967 |
| - Tạm ứng công trình công ty KANAAN | 4,277,418,541 | - |
| - Các khoản tạm ứng khác | 44,179,000 | - |
| Cộng | 7,199,697,708 | 2,003,773,967 |

7. Tăng, giảm tài sản cố định

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | NHÀ CỬA VẬT KIẾN TRÚC | MÁY MÓC THIẾT BỊ | PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI | THIẾT BỊ VĂN PHÒNG | TỔNG CỘNG TSCĐ HỮU HÌNH | TSCĐ VÔ HÌNH (QUYỀN SDD) |
|--|----------------------------------|-----------------------------|--------------------------------|-------------------------------|------------------------------------|-------------------------------------|
| <i>I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình</i> | | | | | | |
| 1. Số dư đầu kỳ | 25,609,315,827 | 9,861,536,994 | 8,461,961,855 | 1,194,812,190 | 45,127,626,866 | 12,874,584,020 |
| 2. Số tăng trong kỳ | - | 257,677,919 | - | 114,489,536 | 372,167,455 | - |
| - Mua sắm mới | | 257,677,919 | | 114,489,536 | 372,167,455 | |
| - Tăng khác | | | | | | |
| 3. Giảm trong kỳ | - | - | - | - | - | - |
| - Thanh lý | | | | | | |
| - Nhượng bán | | | | | | |
| - Giảm khác | | | | | | |
| 4. Số cuối kỳ | 25,609,315,827 | 10,119,214,913 | 8,461,961,855 | 1,309,301,726 | 45,499,794,321 | 12,874,584,020 |
| <i>II. Giá trị hao mòn lũy kế</i> | | | | | | |
| 1. Số đầu kỳ | (8,937,091,894) | (7,570,569,485) | (4,955,760,607) | (690,218,159) | (22,153,640,145) | (920,044,118) |
| 2. Tăng trong kỳ | (1,122,209,304) | (767,008,754) | (670,003,646) | (172,525,396) | (2,731,747,100) | (257,491,680) |
| 3. Giảm trong kỳ | | | | | | |
| 4. Số cuối kỳ | (10,059,301,198) | (8,337,578,239) | (5,625,764,253) | (862,743,555) | (24,885,387,245) | (1,177,535,798) |
| <i>III. Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình</i> | | | | | | |
| 1. Tại ngày đầu | 16,672,223,933 | 2,290,967,509 | 3,506,201,248 | 504,594,031 | 22,973,986,721 | 11,954,539,902 |
| 2. Tại ngày cuối năm | 15,550,014,629 | 1,781,636,674 | 2,836,197,602 | 446,558,171 | 20,614,407,076 | 11,697,048,222 |

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý

- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình

-

3,151,524,599

-

| 8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | <i>Đơn vị tính: VND</i> | |
|---|-------------------------|-----------------------|
| | Cuối năm | Đầu năm |
| Gồm các công trình: | | |
| - Dự án cửa hàng xăng dầu Bình Chánh | 4,445,228,082 | 4,445,228,082 |
| - Dự án Tổng kho xăng dầu Nhơn Trạch - Đồng Nai | 16,345,745,117 | 11,540,428,711 |
| - Dự án cửa hàng xăng dầu CH 31 | 137,274,558 | 137,274,558 |
| - Dự án Cao ốc | 39,118,016,981 | - |
| - Đầu tư khác | 877,585,056 | 779,821,048 |
| Cộng | 60,923,849,794 | 16,902,752,399 |

| 9. Vay và nợ ngắn hạn | Đơn vị tính: VND | |
|-------------------------------|----------------------|-----------------------|
| | Cuối năm | Đầu năm |
| - Vay ngắn hạn (*) | 1,400,000,000 | 41,975,000,000 |
| - Vay dài hạn hạn đến hạn trả | - | - |
| Cộng | 1,400,000,000 | 41,975,000,000 |

Ghi chú: (*) Là khoản vay Ngân hàng HSBC theo hợp đồng tín dụng hạn mức, kế ước nhận nợ số 72933.

| 10. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước | Đơn vị tính: VND | |
|---|----------------------|----------------------|
| | Cuối năm | Đầu năm |
| 10.1. Thuế phải nộp nhà nước | 897,595,755 | 579,281,469 |
| - Thuế GTGT | 153,213,561 | |
| - Thuế TNDN | 430,691,607 | 265,590,882 |
| - Thuế nhà đất | 313,690,587 | 313,690,587 |
| - Các loại thuế khác | | |
| 10.2. Các khoản phải nộp khác | 726,581,500 | 869,303,748 |
| - Các khoản phải nộp khác | 726,581,500 | 869,303,748 |
| Cộng | 1,624,177,255 | 1,448,585,217 |

| 11. Chi phí phải trả | Đơn vị tính: VND | |
|---|--------------------|--------------------|
| | Cuối năm | Đầu năm |
| - Chi phí phải trả | 123,750,000 | 143,000,000 |
| - Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm (*) | 360,705,540 | 360,705,540 |
| Cộng | 484,455,540 | 503,705,540 |

Ghi chú:

(*) Trong năm Công ty không thực hiện trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm, số tiền trả trợ cấp nghỉ việc được hạch toán thẳng vào chi phí khi phát sinh. Số dư 360.705.540 đ là số từ các năm trước chuyển sang.

| 12. Các khoản phải trả, phải nộp khác | Đơn vị tính: VND | |
|---|------------------|---------------|
| | Cuối năm | Đầu năm |
| - Kinh phí công đoàn | 167,286,037 | 139,743,433 |
| - Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế | 26,145,064 | 21,806,374 |
| - Các khoản phải trả, phải nộp khác (*) | 4,827,914,989 | 4,625,234,359 |

| | | |
|---|----------------------|----------------------|
| Cộng | 5,021,346,090 | 4,786,784,166 |
| <i>Ghi chú:</i> (*) Bao gồm | | |
| + <i>Nhựa đường OECE</i> | 1,763,893,577 | |
| + <i>Thuê mặt bằng các cửa hàng</i> | 601,580,316 | |
| + <i>CN CT nạo vét và xây dựng đường thủy</i> | 874,326,200 | |
| + <i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i> | 1,588,114,896 | |
| 13. Vay và nợ dài hạn | Cuối năm | Đầu năm |
| a. Vay dài hạn | 7,152,288,374 | 8,199,381,230 |
| - Vay ngân hàng | | |
| - Vay đối tượng khác (*) | 7,152,288,374 | 8,199,381,230 |
| b. Nợ dài hạn | - | - |
| Cộng | 7,152,288,374 | 8,199,381,230 |

Ghi chú: (*) Là khoản tiền tài trợ của ESSO, công ty dùng để đầu tư tài sản và nâng cấp các trạm xăng dầu. Khoản tiền này được giảm hàng năm để tăng vốn theo công văn số 5565/UB-QLĐT ngày 24/12/1997 của Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh, và công văn số: 1765/CQL ngày 26/12/1996 của Cục Quản lý vốn và tài sản Nhà nước tại Thành phố Hồ Chí Minh. Số tiền tăng vốn tương ứng với khấu hao các tài sản đầu tư hàng năm.

14. Vốn chủ sở hữu

14.1. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

| NỘI DUNG | VỐN ĐẦU TƯ CSH | VỐN KHÁC CỦA CSH (a) | THẶNG DƯ VỐN CỔ PHẦN | CỔ PHIẾU QUỸ (b) | QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN | QUỸ DỰ PHÒNG TÀI CHÍNH | LỢI NHUẬN SAU THUẾ CHƯA PHÂN PHỐI (c) |
|--|-----------------------|-----------------------|------------------------|----------------------|-----------------------|------------------------|---------------------------------------|
| - Số dư đầu năm trước | 34,000,000,000 | 12,003,807,183 | 4,393,630,000 | 29,420,100 | 14,894,266,265 | 1,511,415,498 | 7,343,865,057 |
| - Lợi nhuận tăng trong năm trước | | | | | | | 12,293,416,415 |
| - Lợi nhuận tăng trong năm nay | | | | | | | (5,284,634,850) |
| - Trích các quỹ từ lợi nhuận | | | | | 4,665,142,605 | 507,560,252 | (4,078,394,400) |
| - Chia cổ tức trong năm | | | | | | | |
| - Tăng khác | | 1,047,092,856 | | 4,572,410,000 | 61,931,993 | | |
| - Giảm khác | | | | | | | (131,965,000) |
| - Số dư cuối năm trước | 34,000,000,000 | 13,050,900,039 | 4,393,630,000 | 4,601,830,100 | 19,621,340,863 | 2,018,975,750 | 10,142,287,222 |
| - Số dư đầu năm nay | 34,000,000,000 | 13,050,900,039 | 4,393,630,000 | 4,601,830,100 | 19,621,340,863 | 2,018,975,750 | 10,142,287,222 |
| - Lợi nhuận tăng trong năm | | | | | | | 15,189,911,195 |
| - Phát hành thêm cổ phiếu | 42,051,900,000 | | 151,118,717,670 | 63,008,000 | | | |
| - Trích các quỹ từ lợi nhuận | | | | | 4,277,931,000 | 614,670,000 | (4,892,601,000) |
| - Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | | | | | | | (1,179,340,000) |
| - Chia cổ tức đợt 2/2006 bằng cổ phiếu (12%) | 3,947,270,000 | | | | | | (3,947,270,000) |
| - Chia cổ tức đợt 1/2007 (9%) | | | | | | | (2,961,081,000) |
| - Thù lao HĐQT, BKS | | | | | | | (185,000,000) |
| - Tăng khác | | 1,047,092,856 | | 2,360,000 | | | 61,923,778 |
| - Giảm khác | | | | | 61,923,778 | | |
| - Số dư cuối năm nay | 79,999,170,000 | 14,097,992,895 | 155,512,347,670 | 4,667,198,100 | 23,837,348,085 | 2,633,645,750 | 12,228,830,195 |

Ghi chú: (a) - Vốn khác của chủ sở hữu gồm nguồn quỹ đầu tư phát triển, nguồn tài trợ của ESSO

(b) - Cổ phiếu quỹ của công ty: Số lượng 112.502 CP (# 4.667.198.100VND)

(c) - Công ty tạm chia cổ tức đợt 1 năm 2007 là 9% trên vốn cổ phần tính trên mệnh giá, và tạm trích các quỹ. Cổ tức đợt 2 năm 2007 và việc trích quỹ chính thức sẽ do Đại hội cổ đông quyết định.

14.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

| | Năm 2007 | | Năm 2006 | |
|--------------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Tổng số | Vốn CP thường | Tổng số | Vốn CP thường |
| 1. Vốn điều lệ | 79,999,170,000 | 79,999,170,000 | 34,000,000,000 | 34,000,000,000 |
| - Vốn đầu tư của nhà nước | 16,000,000,000 | 16,000,000,000 | 6,877,350,000 | 6,877,350,000 |
| - Vốn góp (cổ đông thành viên) | 63,999,170,000 | 63,999,170,000 | 27,122,650,000 | 27,122,650,000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 155,512,347,670 | 155,512,347,670 | 4,393,630,000 | 4,393,630,000 |
| 3. Vốn khác (*) | 14,097,992,895 | 14,097,992,895 | 13,050,900,039 | 13,050,900,039 |
| 4. Cổ phiếu ngân quỹ | (4,667,198,100) | (4,667,198,100) | (4,601,830,100) | (4,601,830,100) |
| Cộng | 244,942,312,465 | 244,942,312,465 | 46,842,699,939 | 46,842,699,939 |

Ghi chú: (*) Vốn khác đến 31/12/2007 gồm:

- Tăng do bổ sung từ quỹ đầu tư phát triển:

6,775,306,799

- Tăng từ nguồn tài trợ của ESSO:

7,322,686,096

Đơn vị tính: VND

14.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

| | Năm nay | Năm trước |
|-----------------------------|-----------------------|-----------------------|
| - Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 34,000,000,000 | 34,000,000,000 |
| + Vốn góp đầu năm | 34,000,000,000 | 34,000,000,000 |
| + Vốn góp tăng trong năm | 45,999,170,000 | - |
| + Vốn góp giảm trong năm | - | - |
| + Vốn góp cuối năm | 79,999,170,000 | 34,000,000,000 |
| - Cổ tức, lợi nhuận đã chia | 2,961,081,000 | 2,039,197,200 |

Đơn vị tính: Cổ phiếu

14.4 Cổ phiếu (Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000đ/cp)

| | Năm nay | Năm trước |
|---------------------------------------|------------------|------------------|
| - Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 7,999,917 | 3,400,000 |
| - Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng | 7,999,917 | 3,400,000 |
| + Cổ phiếu phổ thông | 7,999,917 | 3,400,000 |
| + Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| - Số lượng cổ phiếu mua lại | 112,502 | 109,826 |
| + Cổ phiếu phổ thông | 112,502 | 109,826 |
| + Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 7,887,415 | 3,290,174 |
| + Cổ phiếu phổ thông | 7,887,415 | 3,290,174 |
| + Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

Đơn vị tính: VND

14.5 Các quỹ của công ty

| | Cuối năm | Đầu năm |
|-------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| - Quỹ đầu tư phát triển | 23,837,348,085 | 19,621,340,863 |
| - Quỹ dự phòng tài chính | 2,633,645,750 | 2,018,975,750 |
| - Quỹ khen thưởng và phúc lợi | 1,284,885,226 | 414,824,253 |
| Cộng | 27,755,879,061 | 22,055,140,866 |

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

| | Năm nay | Năm trước |
|--|--------------------------|--------------------------|
| 15. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | | |
| Trong đó: | | |
| - Doanh thu bán hàng | 2,074,495,217,840 | 1,702,126,836,802 |
| - Doanh thu cung cấp dịch vụ | 8,836,249,895 | 3,054,813,545 |
| - Doanh thu hợp đồng xây dựng | 4,609,839,007 | 125,174,487 |
| Cộng | 2,087,941,306,742 | 1,705,306,824,834 |
| - Các khoản giảm trừ doanh thu | - | - |
| 16. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | | |
| - Doanh thu bán hàng | 2,074,495,217,840 | 1,702,126,836,802 |
| - Doanh thu cung cấp dịch vụ | 8,836,249,895 | 3,054,813,545 |
| - Doanh thu hợp đồng xây dựng | 4,609,839,007 | 125,174,487 |
| Cộng | 2,087,941,306,742 | 1,705,306,824,834 |
| 17. Giá vốn hàng bán | | |
| - Giá vốn hàng bán | 2,004,901,185,065 | 1,649,111,339,643 |
| - Giá vốn cung cấp dịch vụ | 6,598,795,830 | 1,586,688,644 |
| - Giá vốn hợp đồng xây dựng | 4,293,762,810 | 110,451,704 |
| Cộng | 2,015,793,743,705 | 1,650,808,479,991 |
| 18. Doanh thu hoạt động tài chính | | |
| - Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 347,284,192 | 200,901,794 |
| - Lãi bán cổ phiếu | 234,000,000 | - |
| - Cổ tức lợi nhuận được chia | 68,160,000 | - |
| Cộng | 649,444,192 | 200,901,794 |
| 19. Chi phí hoạt động tài chính | | |
| - Lãi tiền vay | 3,658,512,118 | 2,074,963,260 |
| - Chi phí hoạt động tài chính khác | - | - |
| Cộng | 3,658,512,118 | 2,074,963,260 |
| 20. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | |
| Công ty có nghĩa vụ nộp những loại thuế sau đây: | | |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp: Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 28% trên lợi nhuận thu được, năm 2007 doanh nghiệp được giảm 50% | | |
| - Thuế giá trị gia tăng phải nộp theo tỷ lệ 5% và 10% | | |

- Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại Việt Nam.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | <i>Đơn vị tính: VND</i> | |
|--|-------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| - Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành | 2,461,680,426 | 2,015,256,546 |
| - Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay | - | - |
| - Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành | 2,461,680,426 | 2,015,256,546 |

21. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| Chỉ tiêu | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------------------|-----------------------|
| 1. Chi phí nguyên vật, vật liệu | 7,175,105,491 | 6,425,637,107 |
| 2. Chi phí nhân công | 22,826,914,810 | 17,826,606,457 |
| 3. Chi phí khấu hao TSCĐ | 2,989,238,780 | 3,310,494,778 |
| 4. Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác | 8,749,151,139 | 8,008,611,129 |
| 5. Chi phí khác bằng tiền | 10,415,953,291 | 4,540,737,584 |
| Tổng cộng | 52,156,363,511 | 40,112,087,055 |

22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

| | Năm nay | Năm trước |
|--|----------------|------------------|
| - Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 15,189,911,195 | 12,293,461,415 |
| - Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu thường | - | - |
| + Các khoản điều chỉnh tăng | | |
| + Các khoản điều chỉnh giảm | | |
| - Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cp thường | 15,189,911,195 | 12,293,461,415 |
| - Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cp) (*) | 4,173,393 | 3,795,964 |
| - Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đ/cp) | 3,640 | 3,239 |

Ghi chú: (*) Cổ phiếu phát hành bình quân trong năm trước và năm nay đã được điều chỉnh hồi tố do phát hành cổ thường

VII. THÔNG TIN KHÁC

Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006 đã được công ty Dịch vụ - Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán - chi nhánh TP.Hồ Chí Minh kiểm toán.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập ngày 22 tháng 01 năm 2008

Tổng Giám đốc